

PGS. TS. VŨ NHỎ – PGS. TS. NGUYỄN QUANG NINH
TS. NGUYỄN TRỌNG HOÀN – THS. ĐÀO TIẾN THI

ĐỂ HỌC TỐT NGŨ VĂN 9

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ năm)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÀI 1

V

PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

I – KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. *Phong cách Hồ Chí Minh* là một phần của văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh*, cái vĩ đại gắn với cái giản dị của tác giả Lê Anh Trà, trích trong cuốn sách *Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam*, Viện Văn hoá xuất bản, Hà Nội, 1990.

2. Mặc dù rất am tường và chịu ảnh hưởng của nền văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới nhưng phong cách của Hồ Chí Minh vô cùng giản dị. Điều đó được thể hiện ngay trong đời sống sinh hoạt của Người : nơi ở chỉ là một ngôi nhà sàn nhỏ bé với những đồ đạc mộc mạc, trang phục đơn sơ, ăn uống đạm bạc.

3. Trong văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh*, tác giả đưa ra luận điểm then chốt : Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa tính dân tộc và tính nhân loại, truyền thống và hiện đại, giữa vĩ đại và giản dị.

Để làm sáng tỏ luận điểm này, tác giả đã vận dụng một hệ thống lập luận chặt chẽ, với những dẫn chứng xác thực, giàu sức thuyết phục về những chặng đường hoạt động cách mạng, về ngôn ngữ và về cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của Bác.

II – HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hồ Chí Minh có một vốn tri thức văn hoá rất uyên thâm, thể hiện ở sự am hiểu sâu sắc về các dân tộc và văn hoá thế giới. Đặc biệt, sự hiểu biết về văn hoá thế giới đó đã hoà quyện với gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người để trở thành một nhân cách, một lối sống bình dị rất Việt Nam, rất phương Đông nhưng đồng thời cũng rất mới, rất hiện đại.

Vốn tri thức văn hoá đó của Hồ Chí Minh có được là bởi trong cuộc hành trình gian nan tìm đường cứu nước, Người đã tiếp xúc với văn hoá nhiều nước,

nhiều vùng trên thế giới. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật của đất nước đó, vùng đó. Khi tiếp xúc với các nền văn hoá, Người luôn có ý thức tiếp thu cái đẹp, cái hay, đồng thời phê phán những cái tiêu cực.

2. Lối sống bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Hồ Chí Minh được thể hiện chủ yếu qua đời sống sinh hoạt vô cùng giản dị của Người :

- Nơi ở chỉ là một ngôi nhà sàn nhỏ bé với những đồ đạc đơn sơ, mộc mạc.
- Trang phục bình dị (bộ quần áo bà ba, chiếc áo trấn thủ, dép lốp,...).
- Ăn uống hết sức đạm bạc với những món ăn dân dã quen thuộc của nhân dân (cá kho, rau luộc, cà muối, dưa ghém,...).

3. Nếp sống giản dị và thanh đạm của Hồ Chí Minh chính là biểu hiện của vẻ đẹp tâm hồn rất mực thanh cao. Giản dị mà không sơ sài, đạm bạc mà không gòy cảm giác cơ cực, từ cách bài trí cho đến ăn ở, sinh hoạt hằng ngày đều thể hiện sự thanh thản, ung dung. Cuộc sống đó có vẻ gần với cuộc sống của một nhà hiền triết, một vị trích tiên, tuy nhiên lại không hẳn như vậy. Bản lĩnh, ý chí của một người chiến sĩ cách mạng vĩ đại đã hoà nhập cùng tâm hồn một nhà thơ lớn, một nhà văn hoá lớn. Khao khát cống hiến cho Tổ quốc, nhân dân bao nhiêu thì Người lại càng yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống bấy nhiêu. Vẻ đẹp của các yếu tố ngoại cảnh, từ ngôi nhà, vườn cây, ao cá cho đến cách trang phục, ăn uống, nói năng,... đã thể hiện rất rõ vẻ đẹp tâm hồn Người, rất mạnh mẽ song cũng rất lãng mạn, rất thơ.

III – HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Có nhiều câu chuyện viết về lối sống giản dị mà cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Quê hương nghĩa nặng tình sâu* là một câu chuyện cảm động trong số đó. Em có thể đọc và kể lại câu chuyện sau :

“Ngày 14 – 6 – 1957, Bác Hồ về thăm quê – làng Sen, Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An sau hơn 50 năm xa quê.

Nghe tin ngày mai Bác về, dân làng thao thức. Mọi người đều nghĩ tới ngày đón người con của quê hương nhưng cũng là vị Chủ tịch nước chắc phải thật long trọng.

Sáng ấy, Bác về với bộ quần áo ka ki và đôi dép cao su quen thuộc. Hình ảnh ấy đã xua tan cái cảm giác xa cách nửa thế kỉ, và bà con cảm thấy gần gũi, thân thiết lạ thường như mới gặp Bác ngày hôm qua vậy. Bác vẫy tay cất tiếng chào mọi người. Một chú mời Bác vào nhà tiếp khách mới xây ở gần nhà Bác, nhưng Bác ngăn lại :

– Tôi xa nhà, xa quê đã lâu, nay mới có dịp về, tôi phải về thăm nhà đã, còn đây là nhà tiếp khách để dành cho khách, tôi có phải là khách đâu !

Ngôi nhà mà Bác Hồ nhắc tới là ngôi nhà năm gian được xây dựng năm 1901. Chú cán bộ hướng dẫn Bác đi vào ngõ cạnh nhà ngang. Chiếc cổng tre gần một tấm biển nhỏ : “Nhà Bác Hồ”, Bác cười vui :

– Đây là nhà cụ Phó bảng⁽¹⁾ chứ có phải nhà Bác Hồ đâu !

Bác ngập ngừng trong giây lát rồi thông thả dọc theo hàng rào bước tiếp đến góc của mảnh vườn rồi rẽ tay phải dọc theo hàng rào râm mát ở trước ngôi nhà. Bác nhẹ tay vạch rào râm mát đi thẳng vào sân, vừa đi Bác vừa nhắc chú cán bộ địa phương :

– Các chú mở lối đi đằng ấy sai rồi. Cổng nhà cụ Phó bảng ở hướng đông này chứ !

Bác đứng giữa sân, nhìn quanh rồi lần lượt chỉ cho mọi người biết, trong vườn này ngày xưa chỗ nào là cây ổi, chỗ nào là cây thanh yên. Bác đi một lượt từ nhà trên xuống nhà dưới. Bác lại đi ra ngõ, nhìn quanh chòm xóm, nhìn ra núi Chung, nơi xưa kia Bác thường chơi thả diều.

Một cụ già chờ Bác ở ngõ, Bác lên tiếng hỏi ngay :

– Có phải ông Điền không ?

– Vâng... anh Công⁽²⁾... Bác, Bác Hồ !

Bác nhanh nhẹn bước tới, nắm tay ông cụ đang run run vì cảm động, Bác hỏi :

– Anh Điền, anh vẫn khoẻ chứ !

(1) *Cụ Phó bảng* : cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Bác Hồ.

(2) *Công* : tên gọi của Bác Hồ hồi nhỏ.

Cụ già đó chính là ông Điền, người bạn thời niên thiếu của Bác, đã từng cùng nhau đi câu cá, đi thả diều. Hai tiếng “anh Điền” làm cho cụ già cảm động. Trước mặt cụ vẫn là người bạn năm xưa dù Bác đã trở thành Chủ tịch nước.

Bác nói với bà con dân làng :

“Tôi xa quê hương đã năm mươi năm rồi. Thường tình người ta xa nhà, lúc trở về thì mừng mừng tủi tủi. Nhưng tôi không tủi, mà chỉ thấy mừng. Bởi vì khi tôi ra đi, nhân dân ta còn nô lệ, bị bọn phong kiến đế quốc đè đầu cưỡi cổ. Bây giờ tôi về thì đất nước đã được giải phóng, nhân dân ta đã được tự do”.

Nói rồi Bác đọc câu thơ :

*Quê hương nghĩa nặng tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.*

(Theo đồng chí Vũ Kỳ, *Kể chuyện Bác Hồ*, tập một,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003)

IV – THAM KHẢO

HỒ CHÍ MINH, TÊN NGƯỜI LÀ CẢ MỘT NIỀM THƠ

Bởi vì Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhà thơ Hồ Chí Minh

Người nông dân Việt Nam trong sáng Hồ Chí Minh.

Bảy mươi tám năm gần trọn cả đời mình tranh đấu.

Vì Người đã hi sinh từ bỏ mọi tên

để chỉ còn là một giọng nói, một hơi thở, một cái nhìn

Để chỉ còn là – có gì đâu khác – là đất nước,

là máu xương Tổ quốc ;

Bởi vì Người đau nỗi đau của những vết thương trên mình

mỗi em bé

Việt Nam bị quý “Yan-ki” giết chết,

Khi giặc lái của lâu năm góc phá đổ mỗi ngôi nhà, thì lòng Người

bồng nhiên như sụp mái.

Bởi vì trong mỗi xóm nhỏ tan hoang vì bom na-pan Mĩ
Một mảnh tim Người tự cháy xót xa !
Hồ Chí Minh, tên Người là một niềm thơ.
Bởi vì Người đã đói mọi cơn đói ngày xưa
Vì Người đã chết hai triệu lần năm đói bốn năm khủng khiếp,
Bởi vì Người đã mặc lên mọi tấm áo xác xơ
đã đi chân đất với mỗi đôi chân trần của người dân mất nước ;
Bởi vì Người đã chứa chất nỗi tủi nhục của mọi người cùng cực ;
Bởi vì Người đã từng chịu nỗi đau roi vọt đánh vào dân tộc.
Thuở bọn thực dân Pháp
hoà trộn than Hồng Gai với máu người thợ mỏ,
cao su miền Nam với máu người phu đất đỏ,
lúa gạo đồng bằng với máu nông dân,
để biến thành vàng bạc gấp trăm.

Bởi vì lòng Người héo hơn khi nắng hạn
Với ruộng đồng chết khát nằm lại qua năm,
Và Người mang cấy lại trong lòng mình
mỗi cây lúa chết ngạt vì mực nước trắng bờ !
Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ.

Bởi vì Người đã sống cùng người phu Quảng Châu, Thượng Hải,
và đo được mức tận cùng đói rách,
và ở Nam Phi, Người cũng được rách đói tận cùng
của những người Ấn cùng dính sang đó
tìm miếng cơm nuôi sống qua ngày.

Bởi vì Người đã đến với dân lao động
tự đào huyết chôn mình khi vét dòng kênh Pa-na-ma.

Và như thế, Người đã nhận ra rằng :
Bất cứ ở đâu, con người cũng chỉ là một và đời khổ cũng chỉ là một,
Và Người cũng biết : ở đâu cũng một lòng căm uất,
và đường đi chỉ có một mà thôi.
Bởi vì tất cả những điều đó và nhiều điều khác nữa
Mà lời nói khó lòng chứa đựng ;
Bởi vì đối với Người thì phẩm giá con người
Còn cao hơn cả miếng cơm, danh vọng
Cao hơn cả trường tồn cuộc sống.
Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ.

Có thể ca ngợi Người như ca ngợi biển cả, núi cao,
như ca ngợi sông Cửu Long, sông Hồng Hà.
Nói tới Người là nói tới vịnh Hạ Long, Điện Biên Phủ,
Chùa Một Cột, là nói những ruộng đồng đỏ ánh phù sa.
Có thể nói tới Người bằng hết thấy những lời tương tự,
khi nói tới cây nhãn và cây tre xứ sở.

Bởi vì ca ngợi Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh,
Nhà thơ Hồ Chí Minh
Người nông dân Việt Nam trong sáng : Hồ Chí Minh,
là ca ngợi đất nước Việt Nam tươi đẹp và đau thương
ca ngợi nước Việt Nam mà đáng đáp
không còn là chiếc đòn tre gánh mỗi đầu một thùng
mà là một hình dáng vinh quang của cửa ngõ có một không hai,
để đi vào thế giới tương lai.

(Phê-lích Pi-ta-rô-đơ-ri-ghết (Cu Ba), Hoàng Hiệp dịch)

I – NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. *Phương châm hội thoại* là những quy định mà người tham gia hội thoại phải tuân thủ thì cuộc giao tiếp mới thành công.

2. Có hai phương châm hội thoại được xét đến trong bài này : phương châm về lượng, phương châm về chất. Tên gọi các phương châm cũng cho thấy phần nào việc phải tuân thủ quy định gì khi giao tiếp.

– *Phương châm về lượng* yêu cầu lời nói phải có nội dung đúng với yêu cầu giao tiếp (chứa thông tin mà người tham gia hội thoại muốn nghe) và nội dung vừa đủ, không thừa, không thiếu.

– *Phương châm về chất* yêu cầu nội dung nói phải đúng như mình nghĩ và phải xác thực.

II – HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Phương châm về lượng

Câu hỏi 1

Câu trả lời của Ba “ở dưới nước” chỉ đáp ứng lô-gíc hình thức (trả lời câu hỏi “ở đâu”) chứ không đáp ứng nội dung yêu cầu câu hỏi – ở địa điểm cụ thể (sông, hồ hay câu lạc bộ nào). Nội dung đó tuy không nói ra nhưng được hiểu ngầm trong tình huống giao tiếp này.

Chú ý : Dĩ nhiên ở đây Ba cố tình lợi dụng lô-gíc hình thức để “đánh tráo” khái niệm, hoặc nhằm đùa vui, hoặc muốn tránh câu trả lời vì mục đích tế nhị nào đó. Dù là lí do gì thì Ba đã vi phạm yêu cầu về lượng : nói ít hơn điều cần nói mà cuộc giao tiếp đòi hỏi.

Câu hỏi 2

Anh có áo mới và anh có lợn cưới đều nói nhiều hơn điều cần nói. Thông tin về áo mới và lợn cưới do cố ý gài vào để khoe, do đó trở nên lố bịch, tức cười.

Lẽ ra anh có lợn cưới chỉ cần nói : “Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không ?”, còn anh có áo mới chỉ cần nói : “Tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả”. Điều cần phải tuân thủ qua câu chuyện này là *chỉ nói đủ, không nói thừa*.

2. Phương châm về chất

Truyện phê phán thói khoác lác. Cả hai anh đều nói điều không có trong thực tế và chính họ cũng không tin. Vậy *trong giao tiếp cần tránh nói điều mình không tin và không xác thực*.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi :

a) *Trâu là một loài gia súc nuôi ở nhà*. Câu này thừa thông tin. Lẽ ra nói *Trâu là một loài gia súc* hoặc *Trâu là một loài thú nuôi ở nhà*, bởi vì “gia súc” đã có nghĩa là “thú nuôi ở nhà”.

b) *Ến là một loài chim có hai cánh*. Câu này cũng thừa thông tin vì không có loài chim nào có 1 hay 3, 4,... cánh. Chỉ cần nói *Ến là một loài chim*.

Bài tập 2

Muốn điền đúng các từ ngữ vào chỗ trống cần hiểu nghĩa các từ ngữ đó. Nghĩa các từ ngữ này được giải thích trong phần từ ngữ đã cho.

- a) Nói có căn cứ chắc chắn là nói có sách, mách có chứng.
- b) Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là nói dối.
- c) Nói một cách hù dọa, không có căn cứ là nói mò.
- d) Nói nhảm nhí, vu vơ là nói nhăng nói cuội.
- e) Nói khoác lác, làm ra vẻ tài giỏi hoặc nói những chuyện bông đùa, khoác lác cho vui là nói trạc.

Các từ ngữ nói trên đều chỉ những cách nói có liên quan đến phương châm về chất. Từ ngữ điền ở câu (a) chỉ cách nói đúng phương châm, còn các từ ngữ điền ở các câu còn lại chỉ sự vi phạm phương châm này.

Bài tập 3

Người nói đã không tuân thủ phương châm về chất. Câu hỏi “Rồi có nuôi được không?” thể hiện người nói đã vô tình bỏ qua sự thật hiển nhiên: ông bố bị đẻ non hồi nhỏ ấy dĩ nhiên là nuôi được thì sau này mới sinh ra anh bạn anh. Đây cũng chính là chỗ gây ra tiếng cười của truyện.

Bài tập 4

a) Cách diễn đạt: *như tôi được biết, tôi tin rằng, nếu tôi không lầm thì, tôi nghe nói, theo tôi nghĩ, hình như là* cho thấy người nói muốn người nghe biết mức độ xác thực của thông tin:

– Có thể mới đáng tin theo phỏng đoán chủ quan, chưa qua kiểm chứng: *như tôi được biết, tôi tin rằng, theo tôi nghĩ, nếu tôi không lầm thì.*

– Có thể chưa đáng tin cả chủ quan và khách quan: *tôi nghe nói, hình như là.*

b) Cách diễn đạt *như tôi đã trình bày, như tôi được biết* cho thấy người nói muốn nhắc lại cho người nghe điều mình đã nói, điều mọi người đã biết để tiện cho người nghe theo dõi mà không vi phạm phương châm về lượng.

Bài tập 5

– *Ăn đơm nói đặt*: nói điều bịa đặt nhằm vu khống, nói xấu người khác.

– *Ăn ốc nói mò*: nói không đích xác, không có căn cứ.

– *Ăn không nói có*: giống *Ăn đơm nói đặt*.

– *Cãi chày cãi cối*: cố cãi, cãi liêu, không có lí lẽ thích đáng.

– *Khua môi múa mép*: ăn nói ba hoa, khoác lác cốt để phô trương.

– *Nói dơi nói chuột*: nói linh tinh, không có mục đích nghiêm chỉnh.

– *Hứa hươu hứa vượn*: hứa để được lòng, không thực hiện lời hứa.

Tất cả các thành ngữ trên đều chỉ những cách nói năng không nghiêm chỉnh, không đạt tới chân lí, tức không tuân thủ phương châm về chất.

SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. Việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

a) Dựa vào gợi ý dưới đây để ôn lại những kiến thức về văn bản thuyết minh ở chương trình Ngữ văn 8

- Đặc điểm, tính chất của văn bản thuyết minh ;
- Mục đích của văn bản thuyết minh (chú ý phân biệt với mục đích của các phương thức biểu đạt khác như tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận) ;
- Những phương pháp thuyết minh thường dùng.

Gợi ý:

– Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thường gặp trong mọi lĩnh vực đời sống, có chức năng cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng cách trình bày, giới thiệu, giải thích.

Văn bản thuyết minh không giống với các văn bản thuộc loại tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận vì kiểu văn bản này không nhằm kể chuyện, tái hiện, biểu lộ tình cảm hay nghị luận mà nhằm cung cấp tri thức về các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và trong xã hội một cách khách quan, chân thực, có ích cho con người.

– Để việc giao tiếp gắn với mục đích của ngôn ngữ đặc trưng, văn bản thuyết minh phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn.

b) Đọc văn bản thuyết minh *Hạ Long – Đá và Nước* (SGK Ngữ văn 9, tập một, tr.12 – 13) và trả lời câu hỏi :

- Đối tượng thuyết minh của văn bản là gì ?
- Mục đích của văn bản thuyết minh là cung cấp tri thức khách quan về đối tượng, văn bản có thể hiện điều này không ?

Gợi ý:

– Chủ đề của văn bản : sự kì lạ vô tận của vịnh Hạ Long.

– Văn bản cung cấp cho người đọc những hiểu biết về vẻ đẹp của một di sản văn hoá thế giới. Để khám phá ra vẻ kì lạ vô tận của Hạ Long, người ta phải có được sự tinh tế, lịch lãm trong cảm nhận, thưởng thức. Bằng sự tinh tế, lịch lãm ấy, Nguyễn Ngọc đã đem đến cho chúng ta những tri thức về sự kì lạ của Hạ Long.

c) Nhận xét về phương pháp thuyết minh của văn bản *Hạ Long – Đá và Nước*. Ngôn ngữ, cách diễn đạt của văn bản này có gì khác so với các văn bản thuyết minh em đã được đọc ?

Gợi ý: Tùy từng đối tượng mà người ta lựa chọn cách thuyết minh cho phù hợp, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất. Văn bản *Hạ Long – Đá và Nước* thuyết minh về *sự kì lạ vô tận của vịnh Hạ Long*. Để thuyết minh về vẻ đẹp sinh động, kì thú, biến ảo của Hạ Long, người viết không thể chỉ sử dụng các biện pháp thuyết minh thông dụng. Cái “vô tận, có tri giác, có tâm hồn” của Hạ Long không dễ thấy được chỉ qua cách đo đếm, liệt kê, định nghĩa, giải thích, nêu số liệu,... mà phải kết hợp với trí tưởng tượng, liên tưởng.

Tìm các hình ảnh ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, liên tưởng trong bài văn.

II – HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Xác định chủ đề của văn bản

Gợi ý: Văn bản trên có phải là văn bản thuyết minh không ? Nó cung cấp cho chúng ta những kiến thức gì ?

2. Người viết đã sử dụng những phương pháp thuyết minh nào trong văn bản *Ngọc Hoàng xử tội ruồi xanh* ?

Gợi ý: Văn bản thuyết minh trên đã sử dụng các biện pháp định nghĩa, phân loại, phân tích, liệt kê, nêu số liệu,... như thế nào ?

3. Trong văn bản trên, người viết có sử dụng các biện pháp nghệ thuật không ? Đó là những biện pháp nào ? Hãy phân tích tác dụng thuyết minh của các biện pháp ấy.

Gợi ý :

– Mượn hình thức kể chuyện để thuyết minh ; sử dụng triệt để biện pháp nhân hoá ;

– Việc mượn hình thức kể chuyện để thuyết minh có tác dụng gì ? Người viết đã sử dụng biện pháp nhân hoá để làm gì ? Hình thức kể chuyện và biện pháp nhân hoá tạo ra sức hấp dẫn cho văn bản thuyết minh như thế nào ?

4. Đọc lại văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* và nhận xét về việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong thuyết minh.

Gợi ý : Tìm các yếu tố miêu tả, so sánh,... trong văn bản này và cho biết chúng có tác dụng như thế nào trong việc khắc hoạ phong cách kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, giữa vĩ đại và giản dị ở Hồ Chí Minh ?

TLV

LUYỆN TẬP

SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. **Đề bài :** Thuyết minh giới thiệu một trong các đồ dùng : cái quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón.

2. Viết đoạn văn Mở bài cho bài văn với đề bài trên.

Gợi ý : Dàn bài cần đáp ứng một số yêu cầu sau :

– Nội dung thuyết minh :

+ Lập dàn ý theo bố cục ba phần ;

+ Nêu được công dụng, đặc điểm cấu tạo, lịch sử của vật được lựa chọn làm đối tượng thuyết minh.

– Hình thức thuyết minh :

+ Sử dụng các phương pháp thuyết minh thông dụng (miêu tả, kể chuyện,...) ;

+ Vận dụng các biện pháp nghệ thuật để tạo sức hấp dẫn cho văn bản thuyết minh (nhân hoá, so sánh,...).

II – HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Trình bày dàn ý trước tổ, trước lớp ; đọc đoạn văn *Mở bài*.

2. Trao đổi, tham khảo các dàn ý của các bạn, lắng nghe nhận xét của thầy, cô giáo rồi tự điều chỉnh dàn ý của mình.

3. Đọc văn bản *Họ nhà Kim* (SGK *Ngữ văn 9*, tập một, tr.16) và nhận xét về nội dung thuyết minh, cách thức thuyết minh.

Gợi ý :

– Về nội dung thuyết minh :

+ Chủ đề thuyết minh của văn bản là gì ?

+ Văn bản đã giới thiệu, trình bày về đối tượng với những nội dung nào ? Có đầy đủ và sâu sắc không ?

– Về phương pháp thuyết minh :

+ Văn bản đã sử dụng các phương pháp thuyết minh thông dụng nào ?

+ Văn bản có kết hợp sử dụng các biện pháp nghệ thuật không ? Đó là những biện pháp nào ? Phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật.

BÀI 2

V

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

I – KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két, nhà văn Cô-lôm-bi-a, sinh năm 1928, tác giả của nhiều tiểu thuyết và tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo, nổi tiếng nhất là tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* (1967). Mác-két được nhận Giải thưởng Nô-ben về Văn học năm 1982. Ông là nhà văn tích cực đấu tranh cho hoà bình.

2. Tóm tắt văn bản :

Nhà văn Mác-két đã nêu lên nguy cơ của chiến tranh hạt nhân, chỉ rõ sự tốn kém một cách vô lí để chạy đua vũ trang, trong khi trẻ em bị thất học, bệnh tật và đói nghèo. Nhà văn kêu gọi mọi người hãy đấu tranh vì một thế giới hoà bình, không có vũ khí hạt nhân.

3. *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* nêu rõ nguy cơ của chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn nhân loại. Vì chạy đua vũ trang, thế giới đã không có đủ tiền để giúp đỡ 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới, không có tiền chăm sóc sức khoẻ cho hàng tỉ người, và để xoá nạn mù chữ.

Đấu tranh cho một thế giới hoà bình, không có vũ khí hạt nhân là nhiệm vụ cấp bách của tất cả mọi người.

II – HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Luận điểm chính của văn bản là việc bảo tồn sự sống trên trái đất ít tốn kém hơn dịch hạch hạt nhân. Hay nói khác đi việc chạy đua vũ trang và phát triển vũ khí hạt nhân đã tốn kém, lại đe dọa huỷ diệt sự sống. Tác giả đưa ra luận cứ về số tiền chi cho chương trình giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới, về chăm sóc y tế, về tiếp tế thực phẩm, về xoá nạn mù chữ. Tất cả phí tổn của các việc trên đều ít hơn nhiều so với việc chạy đua vũ trang hạt nhân.

2. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân được tác giả chỉ ra bằng cách nêu rõ số lượng 50000 đầu đạn hạt nhân bố trí khắp hành tinh. Số đầu đạn đó có sức công phá đến mức bình quân, mỗi người dân đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ, có khả năng huỷ diệt 12 lần mọi dấu vết của sự sống trên trái đất và tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, phá huỷ thế cân bằng của hệ mặt trời.

3. Sự tốn kém và tính chất vô lí của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân đã được tác giả chỉ ra bằng các chứng cứ sau :

- Cứu trợ 500 triệu trẻ em nghèo khổ chỉ tốn 100 tỉ đô la. Đó là một khoản tiền không thể có được. Nhưng nó cũng chỉ bằng chi phí cho 100 máy bay B.1B của Mĩ và cho dưới 7000 tên lửa vượt đại châu.

- Bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em châu Phi cũng chỉ cần số tiền bằng 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân của Mĩ.

- Giải quyết việc thiếu dinh dưỡng cho 575 triệu người chỉ cần số tiền chi cho 149 tên lửa MX là đủ ; chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.

- Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.

4. Chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí của con người bởi vì con người thông minh đã làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp, hạnh phúc. Con người đã làm nên cuộc sống tốt đẹp trên hành tinh. Nếu chiến tranh hạt nhân xảy ra, nó sẽ thiêu huỷ toàn bộ thành quả mà loài người dày công lao động, sáng tạo mới có được. Nó cũng đi ngược lại lí trí của tự nhiên, bởi vì nó huỷ diệt tự nhiên, đưa quá trình tiến hoá của tự nhiên trở lại điểm xuất phát.

5. Văn bản trên được đặt tên là *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* vì đây là văn bản phản đối cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Tác giả đã nêu rõ nguy cơ của cuộc chiến tranh hạt nhân, nêu ra những tốn kém ghê gớm và vô ích, cản trở những công việc thiết thực cải thiện đời sống của những người nghèo khổ trên trái đất. Lập trường của tác giả rất rõ ràng : lên án chạy đua vũ trang hạt nhân.

(Tiếp theo)

I – NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

Ngoài phương châm về lượng và phương châm về chất, còn có phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự.

– *Phương châm quan hệ* là nói đúng vào đề tài giao tiếp.

– *Phương châm cách thức* là diễn đạt sao cho mạch lạc, ngắn gọn, tránh cách nói mơ hồ.

– *Phương châm lịch sự* là biết tôn trọng người đối thoại và tế nhị trong giao tiếp.

II – HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Phương châm quan hệ

– Thành ngữ *ông nói gà, bà nói vịt* để chỉ tình huống hội thoại mà mỗi người nói một đề tài khác nhau. Hậu quả là không hiểu nhau hoặc hiểu sai nội dung nói. Tìm một dẫn chứng trong đời sống hoặc trong văn học. Ví dụ :

CHÁY

Một người sắp đi chơi xa, dặn con rằng :

– *Ở nhà có ai hỏi thì bảo bố đi chơi vắng.*

Nhưng sợ con mãi chơi quên mất, ông cẩn thận viết cho nó một cái giấy rồi bảo rằng :

– *Có ai hỏi thì cứ đưa cái giấy này ra.*

Con cầm giấy bỏ vào túi áo. Cả ngày chẳng thấy ai hỏi, tối đến sẵn có ngọn đèn, nó giở giấy ra xem, chẳng may cháy mất.

Hôm sau có người đến hỏi bố nó đi đâu. Sự nhớ ra tờ giấy hôm qua, nó bảo :

– Mất rồi.

Khách giật mình :

– Mất bao giờ ?

Nó đáp :

– Tối hôm qua.

– Sao mà mất ?

– Cháy.

Kết luận : Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài, tránh nói lạc đề.

2. Phương châm cách thức

Câu hỏi 1

– Thành ngữ *dây cà ra dây muống* chỉ cách nói dài dòng, chuyện nọ xọ chuyện kia, không đúng đề tài giao tiếp. Thành ngữ *lúng búng như ngậm hột thị* chỉ cách nói không mạch lạc, khiến người nghe không hiểu hoặc hiểu sai ý.

– Cả hai cách nói trên đều khiến cho việc giao tiếp ít hiệu quả hoặc không có hiệu quả.

– Bài học : Khi giao tiếp phải nói ngắn gọn, mạch lạc.

Câu hỏi 2

Câu *Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy* có thể hiểu theo 2 cách :

– Động từ “nhận định” có hai bổ ngữ – “về truyện ngắn” và “của ông ấy” – do đó có thể đảo bổ ngữ “của ông ấy” lên trước thì câu trên nghĩa là : *Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về (thể loại) truyện ngắn.*

– Cụm từ “của ông ấy” là định ngữ bổ nghĩa cho “truyện ngắn” – tức là truyện ngắn do ông sáng tác – thì câu trên hiểu là : *Tôi đồng ý với những nhận định (của ai đó) về truyện ngắn của ông ấy (sáng tác).*

Để người nghe hiểu đúng điều muốn nói :

– Theo nghĩa thứ nhất : *Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.*